

Số: 200/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Anh Bùi Văn A - Sinh năm: 1984

HKTT, trú tại: thôn T, xã R, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**\* Bị đơn:** Chị Bùi Thị B - Sinh năm: 1980

Nguyên quán: xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An

HKTT: thôn Q, xã R, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Hiện tạm trú tại: Số 25, phường Q, quận C, Hà Nội.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Bùi Thị Ngọc C, sinh ngày 28/7/2014

Người giám hộ cho cháu C: anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị B (bố, mẹ đẻ của cháu C).

Đều có HKTT tại: thôn T, xã R, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 26/10/2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị B.

**2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:**



**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** anh Bùi Văn A và chị Bùi Thị B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Giao cháu Bùi Thị Ngọc C, sinh ngày 28/7/2014 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày 26/10/2020 cho đến khi cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị B được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật, quyền đi lại thăm gặp, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình:** Anh A và chị B không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

**2.4. Về án phí:** Anh A tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền anh A đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0002383 ngày 05/10/2020. Anh A được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

Nơi nhận :

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Đông Kết;
- L- u HSVA.

**ĐÀO DUY TRĨNH**